TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST Ngày 02-02-2018 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn M Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bấm

Ông Phạm Duy Phong

- Thư ký phiên toà: Ông Dương M Nghĩa, Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 502/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thanh T, sinh năm 1990; địa chỉ: Đường A, phường A, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Hữu M, sinh năm 1984; ĐKHKTT: Đường A1, phường A, quận C, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự ly hôn ngày 27/11/2017, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thanh T và anh Vũ Hữu M kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng

đến ngày 26/02/2014 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quá trình kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống bình thường và đã có hai con chung. Đến đầu năm 2014 giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh M có những mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội, thiếu sự quan tâm chăm sóc gia đình. Đến tháng 5/2014 anh M bị bắt và bị Tòa án xử phạt 7 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Hiện nay, anh M đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X. Do thời gian cải tạo của anh M còn dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh M.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh M có hai chung là Vũ An N, sinh ngày 20/3/2007 và Vũ Đại N, sinh ngày 06/8/2012. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi hai con do anh M đang phải chấp hành án phạt tù, không có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Vũ Hữu M hiện đang thi hành án tại Trại giam Thanh Cẩm, huyện X nên trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Hữu M vắng mặt nhưng đã có bản tự khai gửi Tòa án, quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và quá trình kết hôn như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung, sau đó anh M vi phạm pháp luật, bị bắt giam và bị xử phạt 07 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Hiện nay, anh M đang phải chấp hành án tại Trại giam X. Hiện nay, chị T có đơn xin ly hôn anh M không có quan điểm về quan hệ hôn nhân. Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị T đã trình bày. Khi ly hôn, anh đồng ý giao hai con cho chị T nuôi, về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung. Anh M cũng có quan điểm do anh đang thi hành án tại Trại giam X nên không thể có mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh M được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất có lý do chính đáng và đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thanh T được ly hôn với anh Vũ Hữu M. Giao hai con chung cho chị T nuôi; chị T không yêu cầu nên không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Hữu M đăng ký hộ khẩu thường trú và trước khi thi hành án phạt tù cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án thụ lý ngày 04/12/2017 đến ngày 05/01/2018 có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Hữu M đang chấp hành án tại Trại giam X nên không có mặt tại trụ sở Tòa án để tham gia hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, có lý do chính đáng và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Vũ Hữu M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và quá trình kết hôn như chị T, anh M đã trình bày. Khi anh chị kết hôn, chị T chưa đủ 18 tuổi nên vi phạm điều kiện kết hôn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, đến ngày 26/02/2014 chị T (đã đủ tuổi kết hôn) và anh M đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên hôn nhân giữa chị T và anh M là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi tổ chức lễ cưới, anh chị chung sống bình thường và đã có hai con chung; đến tháng 5/2014 anh M vi phạm pháp luật, bị bắt tạm giam và bị Tòa án xử phạt 07 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Hiện nay, anh M đang chấp hành án tại Trại giam X. Do thời gian cải tạo của anh M còn dài, chị T xác định không còn tình cảm với anh M, vợ

chồng không có khả năng hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh M, anh M không có quan điểm đề nghị được đoàn tụ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc nuôi con: Chị T và anh M có hai con chung như anh chị đã trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh M đang phải chấp hành án phạt 07 năm tù tại Trại giam X, không có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc hai con. Chị T có nguyện vọng được nuôi hai con và anh M đồng ý. Vì vậy, giao hai con Vũ An N, sinh ngày 20/3/2007 và Vũ Đại N, sinh ngày 06/8/2012 cho chị T nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo được mọi quyền lợi của hai cháu Vũ An N, Vũ Đại N theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Bùi Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thanh T được ly hôn anh Vũ Hữu M.

2. Về việc nuôi con:

Chị Bùi Thanh T và anh Vũ Hữu M có hai con chung là Vũ An N, sinh ngày 20/3/2007 và Vũ Đại N, sinh ngày 06/8/2012. Giao hai con chung Vũ Đại N và Vũ An N cho chị T trực tiếp nuôi cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi

khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản:

Chị Bùi Thanh T không yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Bùi Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 11839 ngày 04 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Bùi Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Vũ Hữu M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn M Thu